

Thứ ba, ngày 16 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên đảo ngược

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/06/2020		•	
Tuần 15/6-19/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trái ngược với phiên trước, thị trường mở cửa trong tâm lý giao dịch khá hưng phấn khi FED tuyên bố triển khai chương trình cho vay Main Street (tổng giá trị lên tới 600 tỷ USD, cho các doanh nghiệp có lượng lao động nhiều nhất 15,000 người, hoặc doanh thu nhiều nhất 5 tỷ USD) đã chấn an tâm lý nhà đầu tư trên toàn thế giới. Xu hướng tăng điểm kéo dài trong cả phiên và ngày càng mạnh thêm theo thời gian. Dòng tiền nội tệ trở lại thị trường đã giúp toàn bộ 19/19 nhóm ngành đều tăng điểm. Khối ngoại duy trì xu hướng mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường giảm mạnh so với phiên liền trước, biên độ dao động nói rộng và độ rộng thị trường tích cực cho thấy hoạt động giao dịch tích cực đang trở lại trên thị trường. Như vậy nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế ngắn hạn hoặc gia tăng tỷ trọng danh mục với các cổ phiếu cơ bản tốt đã điều chỉnh trong phiên trước.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 770 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/06/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_FTSE Việt Nam_4.5%**

Phân tích kỹ thuật: VHM_Bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+23.66** điểm, đóng cửa **856.13** điểm. HNX-Index **+1.67** điểm, đóng cửa **115.49** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+4.69)**; **VIC(+4.25)**; **VNM (+2.49)**; **EIB (+1.80)**; **VRE (+1.17)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VJC (-0.20)**; **EIB(-0.11)**; **ITA (-0.09)**; **STB (-0.08)**; **HBC (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 4,230 tỷ đồng, giảm -33.6% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 14.03 điểm, thu hẹp so với phiên liền trước. Thị trường có 253 mã tăng, 55 mã tham chiếu và 73 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 55.99 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VHM (42.6 tỷ)**, **HPG (23.9 tỷ)** và **SSI (16.5 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-5.9** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **856.13**Giá trị: 4230.24 tỷ **23.66 (2.84%)**

Khối ngoại (ròng): 56.38 tỷ

HNX-INDEX **115.49**Giá trị: 623.32 tỷ **1.67 (1.47%)**

Khối ngoại (ròng): -5.9 tỷ

UPCOM-INDEX **56.08**Giá trị: 0.25 tỷ **0.54 (0.97%)**

Khối ngoại(ròng): 58.29 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	37.7	1.64%
Giá vàng	1,730	0.26%
Tỷ giá USD/VND	23,219	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	26,301	0.65%
Tỷ giá JPY/VND	21,621	-0.05%
LS liên NH 1 tháng	0.8%	12.55%
LS TPCP 5 năm	2.1%	0.29%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	42.7	VCB	31.3
HPG	24.0	STB	22.5
SSI	16.6	VJC	16.8
DXG	15.7	GAS	10.9
VRE	10.4	HDB	10.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
16/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_FTSE Việt Nam_4.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	8/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
FTSE Việt Nam	4.5%	0.0%	-1.4%	27.0%	-9.2%	-9.2%	17.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	4.0%	-0.3%	-1.9%	28.1%	-10.0%	-10.0%	16.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	3.4%	-1.2%	5.8%	44.1%	-2.3%	-2.3%	22.4%
Chiến tranh thương mại	3.4%	-1.0%	1.1%	43.6%	-9.0%	-9.0%	18.5%
BDS & Khu công nghiệp	3.3%	0.5%	4.1%	33.2%	-7.6%	-7.6%	17.9%
Corona Avengers	3.3%	-1.5%	1.9%	50.3%	-1.0%	-1.0%	22.2%
Bất động sản Khu công nghiệp	3.2%	-0.1%	-0.5%	6.9%	6.9%	6.9%	25.9%
Hàng tiêu dùng	3.1%	-2.5%	-2.6%	44.5%	-6.8%	-6.8%	19.8%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	2.8%	-0.4%	-1.5%	30.2%	-10.2%	-10.2%	18.0%
Ngân Hàng	2.5%	-2.3%	1.1%	33.5%	-4.0%	-4.0%	23.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	2.4%	-1.8%	-3.0%	36.9%	-12.6%	-12.6%	21.5%
VN Diamond	2.4%	-1.4%	-1.8%	31.5%	-13.4%	-13.4%	19.6%
Dầu khí	2.4%	-2.2%	2.3%	43.4%	-22.5%	-22.5%	25.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	2.3%	-1.3%	0.2%	33.5%	-11.2%	-11.2%	19.6%
Stay-at-home	2.2%	-2.0%	-0.6%	37.7%	-0.2%	-0.2%	17.7%
Lãi suất giảm	2.0%	-1.9%	1.6%	44.8%	-4.4%	-4.4%	19.5%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.0%	-1.5%	1.8%	37.0%	-5.2%	-5.2%	21.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.9%	-1.7%	-0.2%	30.9%	-13.6%	-13.6%	16.8%
VN FinSelect	1.9%	-1.4%	1.7%	35.8%	-5.1%	-5.1%	20.0%
Vật liệu Xây dựng	1.8%	-0.3%	-1.1%	43.4%	-2.9%	-2.9%	20.7%
Nước & Năng lượng	1.6%	-0.2%	-0.6%	27.7%	-9.4%	-9.4%	16.9%
Xây dựng	1.2%	-2.0%	1.2%	40.1%	-3.8%	-3.8%	19.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.1%	-0.6%	-0.1%	34.0%	4.2%	4.2%	15.8%
Ngành Dược	0.6%	-0.6%	-1.4%	16.1%	-7.1%	-7.1%	18.3%
Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	3.8%	-0.6%	1.7%	51.6%	-8.2%	-8.2%	21.2%
M31	3.0%	-1.3%	0.8%	34.9%	-7.9%	-7.9%	21.3%
S32	3.0%	-1.5%	-1.1%	43.9%	-15.6%	-15.6%	22.5%
L22	2.8%	-1.2%	-0.2%	40.0%	-8.2%	-8.2%	19.9%
S21	2.6%	-1.7%	-1.9%	34.7%	-8.8%	-8.8%	20.1%
L11	2.1%	-1.2%	1.0%	30.6%	-9.5%	-9.5%	17.6%
M12	2.1%	-1.6%	-1.5%	29.6%	-7.5%	-7.5%	20.0%
M22	2.0%	-1.2%	-0.6%	37.0%	-3.7%	-3.7%	19.0%
S11	2.0%	-2.0%	0.8%	27.0%	-2.9%	-2.9%	19.0%
Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	2.8%	-0.9%	-1.8%	37.0%	-2.3%	-2.3%	19.3%
LOW1	2.6%	-1.3%	-0.1%	27.9%	-5.7%	-5.7%	17.2%
MID1	2.4%	-1.1%	1.0%	37.1%	-1.3%	-1.3%	17.6%
INDEX							
VNINDEX	2.8%	-0.9%	-1.0%	29.2%	-10.9%	-10.9%	17.0%
VN30INDEX	2.6%	-1.1%	-0.9%	30.8%	-9.1%	-9.1%	17.5%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	8	16	9	15	16	8
Mục tiêu	9	3	6	1	8	6	3
Rủi ro	3	0	3	0	3	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

VHM_Bứt phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: VHM đang hình thành xu hướng hồi phục sau phiên giảm điểm mạnh hôm qua. Thanh khoản cổ phiếu vẫn duy trì ở ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD vẫn đang cho thấy dấu hiệu điều chỉnh trong khi chỉ báo RSI đang cho thấy nhịp hồi phục. Đường giá cổ phiếu cũng đã quay lại dải mây Ichimoku, cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đang thành hình. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế quanh ngưỡng giá 75.0 và có thể cân nhắc chốt lãi tại ngưỡng kháng cự 90 trong các phiên giao dịch tới. Cắt lỗ nếu cổ phiếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 70.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích

[Link](#)

PC1_ Tăng giá

[Link](#)

CTI_ Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_ Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 16/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	36.81	-0.84%	-5.50%	32.00%	-28.80%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	39.45	-0.68%	-4.20%	20.30%	-36.43%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	116.72	0.13%	-3.60%	24.60%	-28.96%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1730.91	0.33%	0.90%	-0.70%	22.80%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.42	0.20%	-0.70%	4.90%	13.73%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	879.50	0.40%	0.30%	4.20%	-7.79%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	511.75	0.39%	0.20%	1.30%	-10.14%		AFX
Sữa	USD/cwt	20.65	0.24%	0.40%	28.30%	23.65%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	146.60	1.89%	-3.10%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.13	0.75%	0.80%	16.20%	-13.23%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	95.90	-1.13%	-4.80%	-9.80%	-13.84%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5707.50	-1.33%	0.10%	9.30%	-2.35%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	508.53	0.13%	-0.10%	4.60%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1577.00	-0.50%	-1.70%	6.60%	-10.32%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	110.00	0.90%	1.00%	19.10%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	53.60	1.23%	-3.30%	-3.90%	-31.06%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng 99 US cent hay 2.6% lên 39.72 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI tăng 86 US cent hay 2.4% lên 37.12 USD/thùng.
- Giá dầu phục hồi đảo chiều giảm trước đó sau khi Bộ trưởng Năng lượng UAE bày tỏ sự tin tưởng rằng các nước OPEC+ tuân thủ kém với hiệp ước sản lượng đã đồng ý đáp ứng cam kết của họ và báo cáo dấu hiệu nhu cầu dầu phục hồi. Hội đồng giám sát của OPEC sẽ nhóm họp trong ngày 18/6 để bàn luận về việc cắt giảm sản lượng và xem các quốc gia đã phân bổ phần sản lượng giảm của mình không. Iraq đã đồng ý với các công ty dầu chủ chốt của họ cắt giảm thêm sản lượng dầu trong tháng 6. Saudi Arabia cũng giảm khối lượng dầu thô xuất trong tháng 7 họ sẽ cung cấp cho ít nhất 5 khách hàng Châu Á.
- Tiêu thụ dầu thô của Trung Quốc trong tháng 5 tăng 8.2% so với một năm trước do các nhà máy độc lập tăng cường xử lý để đáp ứng sự phục hồi nhu cầu nhiên liệu sau khi việc phong tỏa nơi lỏng.
- Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ cho biết sản lượng dầu từ 7 khu vực đá phiến lớn của Mỹ dự kiến giảm trong tháng 7 xuống mức thấp nhất kể từ tháng 7/2018.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.2% xuống 1,726.61 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn New York giảm 0.6% xuống 1,727.20 USD/ounce.
- Giá vàng giảm do đồng USD gần mức cao nhất trong hơn một tuần, nhưng kim loại này vẫn đứng ở hơn 1,700 USD/ounce bởi lo lắng về làn sóng nhiễm virus corona thứ hai.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên duy trì tại 762.5 CNY (107.51 USD)/tấn. Quặng sắt trên sàn giao dịch Singapore giảm 2.1% xuống 100.03 USD/tấn. Quặng sắt Đại Liên giữ ổn định trong phiên qua khi tồn kho nguyên liệu thô sản xuất thép của Trung Quốc đang giảm đã hỗ trợ giá, bất chấp lo sợ khả năng làn sóng lây nhiễm virus corona thứ 2 và những dấu hiệu nhu cầu thép trong nước đang suy yếu. Quặng sắt đã nhập khẩu tại các cảng của Trung Quốc đã giảm xuống 107.75 triệu tấn trong tuần trước, mức thấp nhất kể từ tháng 10/2016, theo số liệu của công ty tư vấn SteelHome. Sự sụt giảm tồn kho cho thấy nhu cầu quặng sắt mạnh mẽ của các nhà máy thép Trung Quốc khi họ tăng cường sản xuất, với sản lượng thép thô tăng 8.5% trong tháng 5 so với một tháng trước và tăng 1.9% trong 5 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm ngoái
- Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 0.7%, trong khi thép cuộn cán nóng giảm 0.5%.

Giá cao su

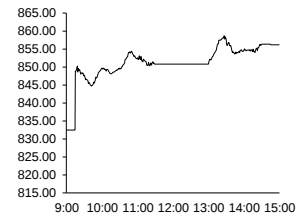
- Giá cao su kỳ hạn tháng 11/2020 trên sàn TOCOM giảm 4.7 JPY hay 3% xuống 154.3 JPY. Đồng thời, giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 1.7% xuống 10,210 CNY/tấn. Giá cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM) giảm 3% trong phiên qua do số ca nhiễm virus corona tại Mỹ tăng vọt và sự bùng phát tại Bắc Kinh làm dấy lên lo ngại về nhu cầu hàng hóa như cao su.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2020 trên sàn ICE tăng 0.17 US cent hay 1.4% lên 12.04 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 trên sàn London tăng 0.4 USD hay 0.1% lên 383.8 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 9 giảm 1.1 US cent hay 1.1% xuống 95.9 US cent/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 9 giảm 18 USD hay 1.5% xuống 1,194 USD/tấn. Bộ Nông nghiệp Mỹ ước tính sản lượng cà phê sẽ vượt nhu cầu 6.4 triệu bao trong niên vụ 2020/21. Điều này sẽ khiến tồn kho trên thế giới tăng lên mức cao nhất 6 năm.

Hình 1

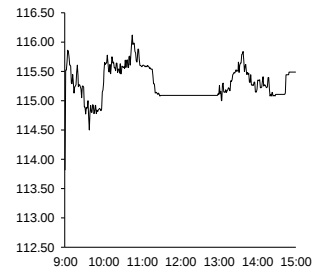
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

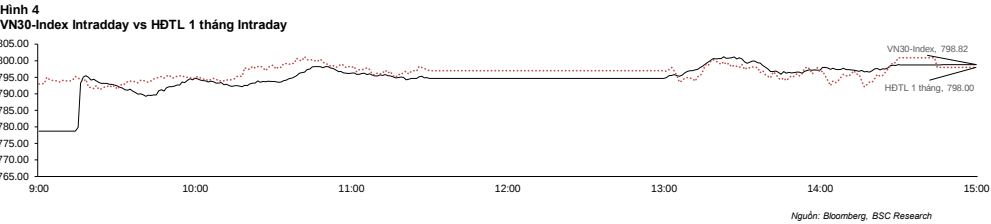
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	0.00%
Du lịch và Giải trí	0.52%
Ô tô và phụ tùng	0.80%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.97%
Dầu khí	1.19%
Công nghệ Thông tin	1.25%
Xây dựng và Vật liệu	1.27%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.31%
Truyền thông	1.38%
Y tế	1.44%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.94%
Ngân hàng	2.13%
Bán lẻ	2.22%
Hóa chất	2.42%
Tài nguyên Cơ bản	2.64%
Thực phẩm và đồ uống	2.64%
Dịch vụ tài chính	2.71%
Bảo hiểm	3.30%
Bất động sản	4.99%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2006	798.00	2.97%	-0.82	1.8%	212.214	6/18/2020	4
VN30F2007	785.40	2.94%	-13.42	90.1%	9.699	7/16/2020	32
VN30F2009	777.10	3.00%	-21.72	-11.1%	287	9/17/2020	95
VN30F2012	774.90	2.77%	-23.92	-93.2%	85	12/17/2020	186

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +20.11 điểm lên mức 798.82 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VIC, VHM, HPG, và TCB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng mạnh đầu phiên sáng, trước khi giành phần lớn thời gian còn lại trong phiên giao dịch vận động tích lũy quanh 795 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh vùng giá 780-800 điểm trong những phiên tiếp theo. Tuy vậy, cần cân nhắc những biến động mạnh khi gần tới thời điểm đáo hạn của VN30F2006 vào 18/06
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2006 và VN30F2009 đang tăng, trong khi VN30F2007 và VN30F2012 đang giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tích lũy. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 770 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVRE2005	SSI	11/30/2020	167	1:1	55,510	245.0%	1.5 triệu	43.18%	4,000	3,450	32.18%	2,830	1.22
CVHM2001	KIS	12/16/2020	183	5:1	118,490	11.0%	2.0 triệu	36.58%	3,100	1,400	28.44%	508	2.76
CVRE2003	KIS	12/16/2020	183	2:1	262,110	336.9%	3.0 triệu	43.18%	3,000	1,020	27.50%	348	2.93
CVHM2002	SSI	11/30/2020	167	1:1	20,140	-10.1%	1.5 triệu	36.58%	11,500	10,250	25.15%	7,176	1.43
CMBB2002	SSI	8/10/2020	55	1:1	313,660	-38.2%	3.0 triệu	34.46%	1,300	1,080	22.73%	723	1.49
CPNJ2004	MBS	8/18/2020	63	5:1	316,820	-15.9%	2.5 triệu	36.43%	1,000	460	15.00%	224	2.06
CVNM2004	SSI	11/30/2020	167	1:1	16,500	-45.9%	2.0 triệu	31.50%	17,500	16,770	13.23%	10,649	1.57
CHPG2008	SSI	11/30/2020	167	1:1	65,020	5.4%	5.0 triệu	36.40%	4,100	3,170	13.21%	2,070	1.53
CVNM2003	MBS	9/4/2020	80	10:1	208,830	-62.6%	3.0 triệu	31.50%	1,450	2,660	13.19%	2,437	1.09
CDPM2002	KIS	12/16/2020	183	1:1	59,190	-12.4%	2.0 triệu	40.69%	1,700	2,370	12.86%	1,392	1.70
CMSN2004	MBS	9/4/2020	80	5:1	88,300	-48.2%	1.5 triệu	34.16%	1,980	1,480	12.12%	1,075	1.38
CMWG2007	SSI	11/30/2020	167	1:1	17,600	-0.3%	2.0 triệu	39.71%	12,900	11,220	10.22%	8,696	1.29
CVPB2005	MBS	8/18/2020	63	2:1	119,730	-45.5%	2.0 triệu	43.89%	1,510	1,950	9.55%	1,674	1.16
CFPT2005	VND	7/1/2020	15	1:1	84,590	606.7%	1.0 triệu	32.43%	2,900	5,860	6.55%	5,738	1.02
CFPT2003	SSI	11/9/2020	146	1:1	18,530	23.9%	2.0 triệu	32.43%	7,300	9,510	2.48%	7,547	1.26
CSTB2004	SSI	11/30/2020	167	1:1	55,680	71.4%	5.0 triệu	40.38%	1,400	2,370	1.72%	1,881	1.26
CFPT2004	SSI	8/10/2020	55	1:1	19,630	-38.3%	2.0 triệu	32.43%	5,100	6,880	1.47%	5,553	1.24
CNVL2001	KIS	12/16/2020	183	4:1	97,800	14.2%	2.0 triệu	16.45%	2,300	1,400	0.00%	120	11.63
CSTB2002	KIS	12/16/2020	183	1:1	55,350	2.7%	3.0 triệu	40.38%	1,700	2,430	-0.41%	1,487	1.63
CSTB2003	KIS	9/16/2020	92	1:1	361,730	13.0%	3.0 triệu	40.38%	1,360	2,090	-1.42%	1,456	1.44
Tổng:					2,299,700		47.50 triệu	35.79%**					

Chủ thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 16/06/2020, hầu hết chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

- Về giá, CHPG2009 và CTCB2006 tăng mạnh lần lượt là 45.79% và 45.77%. Trái lại, CVJC2002 và CMSN2005 giảm mạnh lần lượt là -34.78% và -31.66%. Giá trị giao dịch giảm -30.47%. CSTB2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.99% thị trường.

- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG, STB, VNHM, VNM, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tô Quang Vinh
vinh1q@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	117.00	4.46	3.70
VIC	93.40	4.94	2.77
VHM	74.90	7.00	2.50
HPG	26.20	3.15	1.74
TCB	20.60	2.49	1.49

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	107.7	-1.19	-0.45
EIB	17.9	-1.65	-0.41
STB	11.9	-1.24	-0.36
HDB	27.3	0.00	0.00
SAB	166.1	0.06	0.01

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2005	32,000	28,000	26,750
CVHM2001	110,067	94,567	74,900
CVRE2003	43,999	37,999	26,750
CVHM2002	88,500	77,000	74,900
CMBB2002	19,300	18,000	17,400
CPNJ2004	72,000	67,000	58,800
CVNM2004	135,500	118,000	117,000
CHPG2008	32,100	28,000	26,200
CVNM2003	108,500	94,000	117,000
CDPM2002	16,952	15,252	14,300
CMSN2004	64,900	55,000	57,600
CMWG2007	99,900	87,000	84,400
CVPB2005	22,520	19,500	22,200
CFPT2005	51,900	49,000	46,600
CFPT2003	57,300	50,000	46,600
CSTB2004	12,400	11,000	11,900
CFPT2004	55,100	50,000	46,600
CNVL2001	75,088	65,888	56,600
CSTB2002	13,588	11,888	11,900
CSTB2003	12,471	11,111	11,900

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	84.4	2.3%	1.2	1,662	2.6	8,808	9.6	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	58.8	2.8%	1.3	576	1.4	5,248	11.2	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	49.2	4.2%	1.3	1,588	1.3	1,307	37.7	1.9	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.8	1.3%	0.4	299	0.2	2,092	14.7	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	93.4	4.9%	0.8	13,736	2.6	2,095	44.6	3.9	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	26.8	7.0%	1.1	2,643	3.5	1,226	21.8	2.3	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	56.6	2.5%	0.8	2,386	2.2	3,584	15.8	2.4	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	30.7	1.5%	0.8	414	0.5	4,976	6.2	0.9	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	12.3	4.7%	1.4	276	2.8	2,289	5.4	0.9	40.4%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.2	5.2%	1.3	397	3.3	1,415	10.7	0.9	50.5%	7.8%
VCI	Chứng khoán	22.3	3.5%	1.0	159	0.8	4,240	5.2	0.9	28.5%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.8	4.5%	1.8	249	1.8	1,480	12.7	1.3	52.9%	12.0%
FPT	Công nghệ	46.6	1.3%	0.8	1,588	2.2	4,804	9.7	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	52.0	0.2%	0.4	562	0.0	4,812	10.8	2.7	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	73.1	1.4%	1.5	6,083	1.4	5,820	12.6	2.8	3.4%	23.6%
PLX	Dầu khí	44.3	0.7%	1.5	2,294	2.0	869	51.0	2.8	13.4%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.3	3.4%	1.6	256	1.9	1,238	9.9	0.5	11.8%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.1	2.9%	0.8	957	1.0	898	7.9	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	91.5	1.4%	0.5	520	0.2	5,046	18.1	3.4	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.3	4.0%	0.4	243	2.1	1,006	14.2	0.7	11.5%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.5	1.2%	0.4	196	0.7	415	20.5	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	83.7	2.1%	1.2	13,497	2.9	4,848	17.3	3.7	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	40.7	2.0%	1.4	7,117	1.7	2,140	19.0	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.3	4.3%	1.2	3,764	4.0	2,510	9.3	1.1	29.8%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.2	2.8%	1.2	2,353	3.0	3,750	5.9	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.4	2.4%	1.1	1,824	4.4	3,398	5.1	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	23.8	2.1%	1.0	1,721	4.4	3,780	6.3	1.3	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	49.7	1.8%	0.9	177	0.3	5,303	9.4	1.6	80.6%	17.0%
NTP	Nhựa	37.1	0.5%	0.5	158	0.0	4,208	8.8	1.4	18.8%	17.0%
MSR	Tài nguyên	16.5	6.5%	0.5	710	0.1	356	46.3	1.3	2.0%	2.9%
HPG	Thép	26.2	3.1%	1.1	3,145	10.2	2,764	9.5	1.5	35.8%	17.4%
HSG	Thép	11.0	2.8%	1.5	212	3.8	1,493	7.3	0.8	13.4%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	117.0	4.5%	0.8	8,858	4.3	5,453	21.5	6.8	58.9%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	166.1	0.1%	0.8	4,631	0.5	6,719	24.7	6.2	63.4%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	57.6	2.1%	1.0	2,927	3.7	3,961	14.5	1.6	39.1%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.9	1.4%	0.8	380	1.3	171	87.3	1.2	6.0%	1.5%
ACV	Vận tải	63.4	2.3%	0.8	6,001	0.5	3,450	18.4	3.8	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	107.7	-1.2%	1.1	2,453	2.9	7,110	15.1	3.8	18.3%	26.3%
HVN	Vận tải	28.0	2.9%	1.7	1,727	1.0	1,654	16.9	2.2	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.6	2.9%	0.9	252	0.2	1,583	12.3	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.7	3.4%	1.1	131	0.4	2,117	5.1	0.7	25.5%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	62.2	2.8%	0.9	420	0.6	9,201	6.8	2.9	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.1	1.9%	0.8	371	0.4	1,453	13.1	1.3	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.8	0.7%	1.0	229	0.1	1,938	7.1	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	63.8	1.6%	1.1	212	0.7	8,032	7.9	0.6	46.4%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.9	3.6%	0.3	497	0.1	1,498	17.3	1.7	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.1	1.9%	0.3	198	1.2	1,775	10.7	0.9	40.0%	8.5%
POW	Điện	10.7	1.9%	0.6	1,089	1.3	1,028	10.4	0.9	11.7%	9.4%
NT2	Điện	20.3	1.5%	0.5	254	0.3	2,543	8.0	1.4	17.9%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	74.90	7.00	4.69	3.08MLN
VIC	93.40	4.94	4.25	658480.00
VNM	117.00	4.46	2.49	844740.00
VCB	83.70	2.07	1.80	802980.00
VRE	26.75	7.00	1.17	3.10MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VJC	0.00	-0.20	612480.00	1.11MLN
EIB	0.00	-0.11	51160.00	607060.00
ITA	-0.01	-0.10	22.33MLN	373600.00
STB	0.00	-0.08	18.76MLN	192700.00
HBC	0.00	-0.04	9.41MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	74.90	7.00	4.69	3.08MLN
VRE	26.75	7.00	1.17	3.10MLN
VAF	8.26	6.99	0.01	20.00
TTF	3.06	6.99	0.01	3.48MLN
JVC	3.98	6.99	0.01	2.51MLN

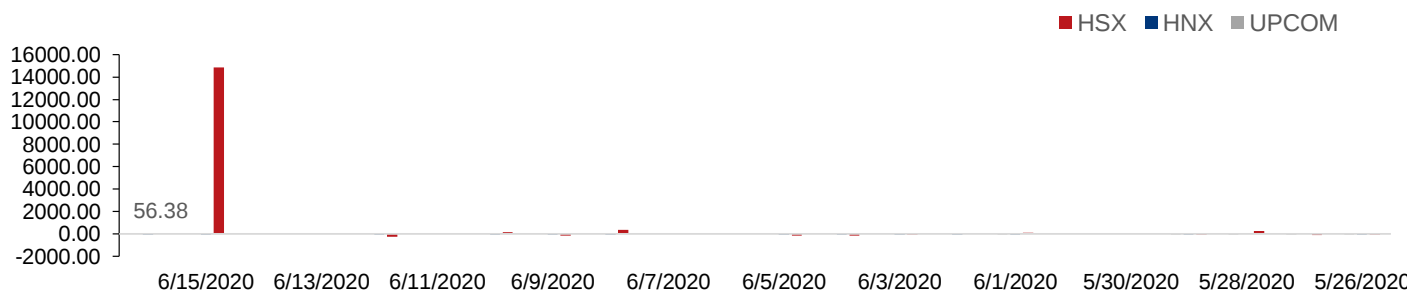
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MCG	1.86	-7.00	0.00	42210.00
KPF	14.65	-6.98	-0.01	20.00
PTL	3.34	-6.96	-0.01	4860.00
UDC	3.89	-6.94	0.00	34500.00
QBS	3.10	-6.91	-0.01	53120.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



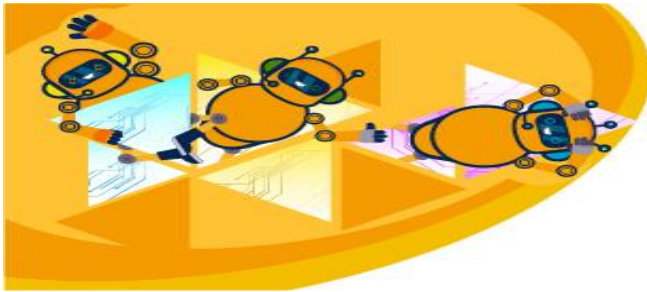
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	57.6	3,961	14.5	1.6	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	38.6	4,717	8.2	1.4	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.0	1,493	7.3	0.8	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	43.3	5,479	7.9	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	19.5	1,140	17.1	1.6	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	26.2	2,764	9.5	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.6	2,987	6.9	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	58.8	5,248	11.2	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	137.5	5,718	24.0	8.5	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	12.3	2,289	5.4	0.9	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	15.3	1,496	10.2	0.9	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	21.1	7,637	2.8	1.0	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	21.9	5,311	4.1	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	28.3	4,465	6.3	1.2	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	83.7	4,848	17.3	3.7	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	23.8	3,780	6.3	1.3	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	36.3	6,553	5.5	1.3	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	50.2	3,887	12.9	2.5	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	46.6	4,804	9.7	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.6	1,583	12.3	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VGI 2020Q2	29/5/2020	Dự báo KQKD: Doanh thu tăng trưởng 10-15%, LNTT 2020 đạt dương. Không chia cổ tức năm 2019 Về ảnh hưởng của dịch Covid đến hoạt động viễn thông dự kiến doanh thu dịch vụ giảm 10% vì Covid -19. Hành vi người tiêu dùng thay đổi: (1) Ở nhà nên doanh thu chủ yếu từ thuê bao (2) Nhu cầu giao dịch giảm. Tuy nhiên, công ty vẫn giữ kế hoạch cả năm tăng trưởng dương
VEA 2020Q2	27/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 44210 ; Giá tại Publish 40000 BSC ước tính lợi nhuận sau thuế của VEA trong năm 2020 đạt 5,921 tỷ VND (~19% yoy) tương đương với 4,421 đồng/cp, P/E fwd = 9x (thấp hơn P/E trung bình khu vực 10.7x – mục lục) với giá định (1) sản lượng tiêu thụ xe máy năm 2020 giảm -10% yoy (2) sản lượng tiêu thụ ô tô (Honda, Toyota) giảm -30% yoy (3) mức lợi nhuận ròng của Honda ở mức 15.5% (giảm từ mức 16% năm 2019), lợi nhuận ròng Toyota ở mức 10.5% (giảm từ 11% năm 2019).
Express DGC3 2020Q2	26/5/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: + Tập đoàn DGC: tăng LNST kế hoạch 2020 lên 700 tỷ (từ mức 600 tỷ) (+22.4% YoY). + Công ty con: PAC: năm 2019 lãi 10 tỷ, Q1.20: lãi 30 tỷ, dự kiến 2020 lãi 100 tỷ Trong năm 2019: + Việc không điều chỉnh giá bán P4 trong khi nhu cầu tiêu thụ thấp khiến KQKD sụt giảm, mất nhiều thị trường => Dấu hiệu: khả năng purchase power thấp + Sau khi mua thêm 2 lò cao, thị phần đạt 70%. 6 lò cao: 1 + 2: 50 – 60% công suất, 3 + 4: phập phù, 5: chạy full, 6: còn đang lắp
Express TCB 2020Q2	20/5/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 25000 ; Giá tại Publish 21300 Dự báo KQKD: BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI và PBT lần lượt ở mức 25,163 tỷ VND và 14,159 tỷ VND (giảm lần lượt 3% và 6.7% so với báo cáo trước). BVPS 2020 ở mức 20,947 VND/cp. Catalyst: Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt trong điều kiện dịch bệnh. Định giá ở mức hấp dẫn.
VTP 2020Q2	19/5/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 145900 ; Giá tại Publish 125000 Dự báo KQKD: BSC dự báo năm 2020 doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt 11,358 tỷ (+45.4% YoY) và 482 tỷ (+26.8% YoY). EPS fw 2020 đạt 7,085 VND, tương ứng với mức PE fw 2020 là 17.6. Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh giữa các công ty Bưu chính truyền thống và các công ty khởi nghiệp Chuyển phát nhanh. Cập nhật KQKD: Viettel Post công bố kết quả kinh doanh quý 1 năm 2020 với tốc độ tăng trưởng hai chữ số. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 2,460 tỷ (+83.6% YoY) và 97 tỷ (+26.2% YoY).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn